

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Danh mục các cơ sở dữ liệu
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1821/QĐ-NHNN ngày 26/10/2020 về việc ban hành ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phiên bản 2.0;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Danh mục các cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

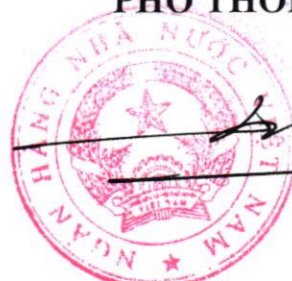
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP, Cục CNTT. /

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Nguyễn Kim Anh

QUY ĐỊNH
VỀ DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2020
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Xác định Danh mục các cơ sở dữ liệu (CSDL) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm thực hiện quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tạo lập nền tảng cho việc xây dựng Chính phủ điện tử và hướng tới xây dựng Chính phủ số tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Danh mục các CSDL của NHNN là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo trong Kế hoạch của NHNN triển khai Nghị định 47 ban hành kèm theo Quyết định số 1345/QĐ-NHNN ngày 4/8/2020 của NHNN;

b) Tăng cường khả năng chuẩn hóa, kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, dữ liệu trong nội bộ NHNN; giữa NHNN với các cơ quan Chính phủ và các tổ chức khác;

c) Tương thích với Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước phiên bản 2.0 ban hành tại Quyết định số 1821/QĐ-NHNN ngày 26/10/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Tăng cường khả năng giám sát đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của các đơn vị NHNN;

đ) Xác định trách nhiệm của các đơn vị thuộc NHNN trong việc tổ chức quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của NHNN.

Điều 2. Phạm vi

1. Quy định này quy định Danh mục các CSDL của NHNN, bao gồm: (i) Danh sách CSDL; (ii) Mục đích, phạm vi, nội dung của từng CSDL; (iii) Cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng CSDL; (iv) Các hạng mục dữ liệu của từng CSDL: dữ liệu mở, dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định, dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo

yêu cầu đặc thù; (v) trách nhiệm tổ chức thực hiện của các đơn vị NHNN liên quan.

2. Quy định này không áp dụng với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nghị định 47*: Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. *Cơ sở dữ liệu của NHNN* là CSDL do các đơn vị thuộc NHNN xây dựng, phát triển, duy trì để đáp ứng các yêu cầu hoạt động, nghiệp vụ của NHNN.

3. *Chủ quản Cơ sở dữ liệu* gồm các đơn vị quản lý nghiệp vụ và đơn vị quản lý kỹ thuật hệ thống thông tin tương tác trực tiếp với cơ sở dữ liệu. Trách nhiệm của đơn vị quản lý nghiệp vụ và đơn vị quản lý kỹ thuật đối với cơ sở dữ liệu được quy định cụ thể tại Điều 8 của Quy định này.

4. *Đơn vị quản lý nghiệp vụ* là đơn vị được Thống đốc NHNN giao nhiệm vụ đầu mối trong việc xây dựng quy trình và quản lý nghiệp vụ đối với hệ thống thông tin.

5. *Đơn vị quản lý kỹ thuật* là đơn vị được Thống đốc NHNN giao nhiệm vụ đầu mối quản lý, đảm bảo hoạt động kỹ thuật của hệ thống thông tin hoặc đơn vị được Thống đốc NHNN giao đầu mối thuê ngoài dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT).

6. *Dịch vụ chia sẻ dữ liệu* là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

7. *Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước* là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Trong Danh mục này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của NHNN.

8. *Chia sẻ dữ liệu mặc định* là hình thức chia sẻ các dữ liệu thường xuyên trong cơ quan nhà nước theo quy trình đơn giản, trong đó cơ quan nhà nước chuẩn bị sẵn các dịch vụ chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu đã được chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trao đổi thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho nhiều cơ quan nhà nước sử dụng.

9. *Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù* là hình thức chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan nhà nước khác nhau; việc chia sẻ dữ liệu theo hình thức này cần thực hiện các hoạt động phối hợp của các bên về mặt kỹ thuật để chuẩn bị về mặt hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ để xử lý hoặc tạo ra dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu.

10. *LGSP (Local Government Service Platform)* là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của NHNN chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của NHNN và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin của NHNN với các hệ thống bên ngoài, tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam của NHNN phiên bản 2.0.

11. *Đơn vị NHNN sử dụng hệ thống thông tin* là đơn vị tác nghiệp trên hệ thống thông tin của NHNN để thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ được giao.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu của NHNN

1. Thông tin, dữ liệu trong CSDL của NHNN là tài sản CNTT. Việc quản lý tài sản CNTT thực hiện theo quy định tại Quy chế An toàn bảo mật hệ thống thông tin của NHNN Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 1820/QĐ-NHNN ngày 26/10/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam).

2. Xác định các hạng mục dữ liệu mở, dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định, dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu đặc thù theo quy định; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các CSDL khác của NHNN để xử lý liên thông, liên mạch giữa các nghiệp vụ; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu ra bên ngoài NHNN thông qua LGSP của NHNN.

3. Mỗi CSDL của NHNN phải có đơn vị quản lý về kỹ thuật và đơn vị quản lý về nghiệp vụ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chủ quản CSDL.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Danh sách CSDL của Ngân hàng Nhà nước

Danh sách CSDL của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

STT	Tên CSDL	Mô tả	Chủ quản CSDL	
			Đơn vị quản lý kỹ thuật	Đơn vị quản lý nghiệp vụ
1	Kho dữ liệu Datawarehouse	Thu thập, xử lý dữ liệu báo cáo thống kê, điều tra thống kê từ các đối tượng điều tra, báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê, các quy định về điều tra thống kê tiền tệ, ngân hàng hiện hành (Thông tư số 35/2015/TT-NHNN; Thông tư 11/2018/TT-NHNN và các yêu cầu báo cáo khác của NHNN), và tổng hợp một số thông tin dữ liệu kinh tế vĩ mô phục vụ công tác quản lý, điều hành và giám sát an toàn hoạt động các TCTD của NHNN.	Cục CNTT	Vụ Dự báo Thống kê
2	CSDL Thông tin tín dụng	Thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng từ các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm hỗ trợ công tác quản lý, giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam; hỗ trợ các TCTD ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong kinh doanh; giúp khách hàng vay tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
3	CSDL Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố	Thu thập các báo cáo giao dịch vượt ngưỡng từ các TCTD và các tổ chức khác thuộc đối tượng báo cáo theo quy định của Luật Phòng chống rửa tiền, phục vụ công tác phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố.	Cơ quan TTGSNH (Cục Phòng, chống rửa tiền)	Cơ quan TTGSNH (Cục Phòng, chống rửa tiền)

STT	Tên CSDL	Mô tả	Chủ quản CSDL	
			Đơn vị quản lý kỹ thuật	Đơn vị quản lý nghiệp vụ
4	CSDL Thông tin giao dịch trên thị trường nội tệ liên ngân hàng	Thu thập dữ liệu giao dịch nội tệ trên thị trường liên ngân hàng (chỉ các giao dịch qua hệ thống của Reuters), là số liệu báo cáo nhanh phục vụ cho mục đích điều hành hàng ngày của NHNN.	Sở Giao dịch	Sở Giao dịch
5	CSDL Thông tin giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Thu thập dữ liệu giao dịch ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng (chỉ các giao dịch qua hệ thống của Reuters), là số liệu báo cáo nhanh phục vụ cho mục đích điều hành hàng ngày của NHNN.	Sở Giao dịch	Sở Giao dịch
6	CSDL Phát hành và kho quỹ	Lưu trữ dữ liệu phát hành và kho quỹ phục vụ công tác: Quản lý xuất, nhập và tồn kho các loại tiền và tài sản kho quỹ tại các đơn vị NHNN; Dự báo nhu cầu về tiền mặt trên phạm vi toàn quốc; Lập kế hoạch in đúc tiền mới và kế hoạch điều hòa tiền mặt giữa các kho tiền NHNN chi nhánh, kho tiền NHTW.	Cục CNTT	Cục Phát hành và Kho quỹ
7	CSDL tiền giả	Lưu trữ các thông tin về đặc điểm của tiền thật để theo dõi, đối chiếu; lưu trữ thông tin về tiền giả thu thập được từ các NHNN chi nhánh tỉnh/thành phố, các đặc điểm làm giả đã thẩm định, phục vụ công tác kiểm tra, nhận biết khi có tiền giả.	Cục CNTT	Cục Phát hành và Kho quỹ

STT	Tên CSDL	Mô tả	Chủ quản CSDL	
			Đơn vị quản lý kỹ thuật	Đơn vị quản lý nghiệp vụ
8	CSDL Lưu ký chứng khoán (giấy tờ có giá) của TCTD tại NHNN	CSDL hình thành trong quá trình các TCTD thực hiện lưu ký chứng khoán tại NHNN phục vụ các nghiệp vụ thị trường tiền tệ và thanh toán.	Cục CNTT	Sở Giao dịch
9	CSDL kế toán, tài chính	CSDL hình thành trong quá trình các đơn vị NHNN thực hiện các nghiệp vụ kế toán, thanh toán, lập kế hoạch ngân sách...	Cục CNTT	Vụ Tài chính Kế toán
10	CSDL phục vụ nghiệp vụ thị trường tiền tệ	CSDL hình thành trong quá trình NHNN thực hiện các nghiệp vụ thị trường tiền tệ: nghiệp vụ thị trường mở, nghiệp vụ phát hành tín phiếu NHNN, trái phiếu chính phủ, trái phiếu đặc biệt,...	Cục CNTT	Sở Giao dịch
11	CSDL Thanh toán điện tử liên ngân hàng	CSDL hình thành trong quá trình hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng.	Cục CNTT	Cục CNTT
12	CSDL Quản lý nhân sự	CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức của NHNN.	Cục CNTT	Vụ Tổ chức Cán bộ
13	CSDL Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Lưu trữ sản phẩm nhiệm vụ KH&CN của NHNN, phục vụ công tác quản lý, tra cứu, tham khảo, ứng dụng trong hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và đào tạo của ngành ngân hàng.	Viện CLNH	Viện CLNH
14	CSDL Thông tin quản lý	CSDL hình thành trong quá trình thực hiện công tác kiểm	Cục CNTT	Vụ Kiểm

STT	Tên CSDL	Mô tả	Chủ quản CSDL	
			Đơn vị quản lý kỹ thuật	Đơn vị quản lý nghiệp vụ
	kiểm toán nội bộ NHNN	toán nội bộ của Ngân hàng Nhà nước.		toán nội bộ
15	CSDL Mã ngân hàng	Cấp phát, lưu trữ, quản lý mã ngân hàng và các thông tin liên quan nhằm sử dụng bộ mã ngân hàng thống nhất trong các hoạt động nghiệp vụ nội bộ NHNN, hoạt động nghiệp vụ qua NHNN.	Cục CNTT	Cục CNTT
16	CSDL Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành (Edoc)	CSDL hình thành trong quá trình thực hiện công tác văn thư, lưu trữ của NHNN, gồm dữ liệu văn bản đi, dữ liệu văn bản đến, dữ liệu văn bản lưu trữ	Cục CNTT	Văn phòng NHNN
17	CSDL Sổ sức khỏe điện tử	Lưu trữ hồ sơ sức khỏe của cán bộ, công chức, người lao động của các đơn vị thuộc trụ sở NHTW.	Cục Quản trị	Cục Quản trị
18	CSDL Thanh toán quốc tế SWIFT	CSDL hình thành trong quá trình hoạt động của Hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT.	Cục CNTT	Sở Giao dịch
19	CSDL vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Lưu thông tin chi tiết về hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh. Giúp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của của doanh nghiệp trong hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Vụ Quản lý ngoại hối

STT	Tên CSDL	Mô tả	Chủ quản CSDL	
			Đơn vị quản lý kỹ thuật	Đơn vị quản lý nghiệp vụ
20	CSDL Bảng số liệu Công thông tin điện tử của NHNN	Lưu số liệu về tỷ giá, lãi suất, một số số liệu thống kê theo Thông tư số 35/2015/TT-NHNN, thông tin về diễn biến trên thị trường tiền tệ để công bố công khai trên Công thông tin điện tử của NHNN.	Cục CNTT	Vụ Truyền Thông
21	CSDL Điều tra thống kê trực tuyến NHNN	Lưu thông tin, dữ liệu do các TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được điều tra, khảo sát cung cấp theo các mẫu phiếu yêu cầu của các cuộc điều tra xu hướng kinh doanh, điều tra kỳ vọng lạm phát, điều tra xu hướng tín dụng.	Cục CNTT	Vụ Dự báo, thống kê

Điều 7. Các nội dung chính của từng CSDL

Các nội dung chính của từng CSDL theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định 47 được mô tả tại Phụ lục Các thông tin chính của cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục các cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị Chủ quản CSDL

1. Đơn vị quản lý nghiệp vụ:

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ;

b) Phối hợp với Đơn vị quản lý kỹ thuật rà soát, đánh giá hiện trạng dữ liệu đang được lưu trữ trong CSDL để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài;

c) Xác định các mục dữ liệu mở, dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định để cung cấp cho Vụ Truyền thông xây dựng và trình Thống đốc NHNN ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu mở, Danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định của NHNN;

d) Thực hiện tiếp nhận, xử lý các yêu cầu khai thác CSDL theo yêu cầu cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân được quyền khai thác thông tin, dữ liệu theo đúng quy định;

đ) Phối hợp với Đơn vị quản lý kỹ thuật tổ chức kiểm tra, đánh giá dữ liệu và thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu;

e) Đề xuất bổ sung, chỉnh sửa Danh mục các CSDL của NHNN khi có thay đổi;

g) Phân công cán bộ đầu mối phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu; gửi thông tin cán bộ đầu mối về Cục CNTT để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ đầu mối.

2. Đơn vị quản lý kỹ thuật:

a) Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng dữ liệu của Đơn vị quản lý nghiệp vụ, thực hiện đánh giá hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 47;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý nghiệp vụ và Cục CNTT tổ chức, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Phối hợp với Đơn vị quản lý nghiệp vụ xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ (các nội dung liên quan đến kỹ thuật).

d) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý nghiệp vụ rà soát, đánh giá hiện trạng dữ liệu đang được lưu trữ trong CSDL để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài;

đ) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá dữ liệu, gửi báo cáo về Cục CNTT trước 31/12 hàng năm; thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và trình Thống đốc NHNN ban hành, cập nhật (khi có thay đổi) Danh mục các CSDL thuộc NHNN quản lý;

2. Hướng dẫn các đơn vị Chủ quản CSDL thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu, gồm các nội dung: (i) Quản lý, kết nối, chia sẻ dữ

liệu; (ii) xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ; (iii) Tự kiểm tra, đánh giá dữ liệu; (iv) Các hướng dẫn cần thiết khác;

3. Xây dựng và duy trì nền tảng LGSP phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của NHNN, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác;

4. Lập chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu thuộc Kế hoạch kiểm tra CNTT hàng năm các đơn vị NHNN, trình Thống đốc NHNN phê duyệt;

5. Phối hợp với các đơn vị Chủ quản CSDL thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu;

6. Phân công cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, kết nối dữ liệu ra bên ngoài phạm vi NHNN; tổng hợp cán bộ đầu mối phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu từ các đơn vị Chủ quản CSDL; trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho các cán bộ đầu mối; đăng tải thông tin về các đầu mối trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ mục đích liên hệ, tổ chức triển khai trao đổi dữ liệu.

Điều 10. Trách nhiệm của Vụ Truyền thông

Chủ trì phối hợp với các đơn vị Chủ quản CSDL, Cục CNTT xây dựng và trình Thống đốc NHNN ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu mở, Danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định của NHNN; Kế hoạch triển khai và công bố dữ liệu mở của NHNN.

Điều 11. Trách nhiệm của Vụ Tài chính – Kế toán

Bố trí kinh phí cho các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu của NHNN.

Điều 12. Trách nhiệm của các Đơn vị NHNN sử dụng hệ thống thông tin

1. Tham gia cập nhật, khai thác và sử dụng các CSDL của NHNN phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành của NHNN theo thẩm quyền, nhiệm vụ được phân công;

2. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, dữ liệu đơn vị mình cung cấp khi cập nhật vào CSDL./ 

Phụ lục

**CÁC THÔNG TIN CHÍNH CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU THUỘC
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Kèm theo Quy định về Danh mục các CSDL của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành tại Quyết định số 2132/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

1. CSDL Kho dữ liệu Datawarehouse

a. Mục đích

Thu thập, xử lý dữ liệu báo cáo thống kê, điều tra thống kê, báo cáo tài chính từ các đơn vị báo cáo (TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn vị NHNN và các đơn vị khác) làm cơ sở cho việc phân tích, dự báo, đánh giá tình hình ngành ngân hàng phục vụ NHNN, các Bộ, ngành, Chính phủ trong quá trình chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát an toàn hoạt động các TCTD và công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành ngân hàng.

b. Phạm vi

- Các đơn vị thuộc NHNN có chức năng, nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu được quy định tại Chế độ báo cáo thống kê và các quy định hiện hành;
- Các cơ quan có thẩm quyền ngoài NHNN khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu qua các báo cáo định kỳ, đột xuất của NHNN;
- Các tổ chức/cá nhân sử dụng khai thác thông tin dữ liệu về tiền tệ, ngân hàng được đăng tải trên website của NHNN.

c. Nội dung

- Quy định chi tiết tại các văn bản pháp luật về Chế độ báo cáo thống kê hiện hành; Điều tra thống kê tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia và một số văn bản khác theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo NHNN trong từng thời kỳ;
- Một số thông tin dữ liệu kinh tế vĩ mô tổng hợp (tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, chứng khoán, ...)

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Chế độ báo cáo thống kê hiện hành và một số văn bản khác theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo NHNN trong từng thời kỳ;
- Thu thập, tổng hợp dữ liệu chính thức của các Bộ, ngành và Reuters công bố;

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Báo cáo định kỳ của các đối tượng báo cáo theo Chế độ báo cáo thống kê hiện hành và một số văn bản khác theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo NHNN trong từng thời kỳ;

- Các chủ thể là đối tượng của các chương trình điều tra thống kê ngành ngân hàng;

- Thông tin, dữ liệu thứ cấp được thu thập, tổng hợp từ các Bộ, ngành và Reuters

- Các thông tin dữ liệu được chiết xuất từ một số CSDL khác của NHNN.

f. Dữ liệu mở

- Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng phương tiện thanh toán;

- Tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán;

- Tốc độ tăng trưởng và số dư tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tín dụng (chi tiết theo tổ chức kinh tế và dân cư);

- Tốc độ tăng trưởng và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế (chi tiết theo ngành kinh tế);

- Diễn biến lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng;

- Các mức lãi suất do NHNN quy định (khi có điều chỉnh);

- Diễn biến lãi suất huy động và cho vay VND, ngoại tệ của TCTD đối với khách hàng theo Định kỳ hàng tuần;

- Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch của Hệ thống thanh toán quốc gia;

- Số lượng máy, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC;

- Số lượng thẻ ngân hàng đang lưu hành (phân theo phạm vi và nguồn tài chính);

- Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch thanh toán nội địa theo các phương tiện thanh toán;

- Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch thanh toán nội địa qua kênh Internet Banking và Mobile Banking;

- Số lượng và tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân;

- Kết quả hoạt động của thị trường liên ngân hàng;

- Tỷ lệ nợ xấu;

- Tốc độ tăng trưởng so với thời điểm cuối năm liền kề trước và số tuyệt đối của Vốn điều lệ;
- Tốc độ tăng trưởng so với thời điểm cuối năm liền kề trước và số tuyệt đối của Vốn tự có;
- Tỷ lệ an toàn vốn;
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn;
- Tỷ lệ ROA;
- Tỷ lệ ROE.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Dữ liệu Báo cáo thống kê của NHNN đang được chia sẻ cho các cơ quan: Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia trên cơ sở các quy định cụ thể sau:

- Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;
- Quyết định số 61/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia;
- Quyết định số 15/2015/QĐ-TTg ngày 25/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg ngày 3/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 79/2009/QĐ-TTg ngày 18/5/2009 của Thủ tướng Chính Phủ;
- Quyết định 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. CSDL Thông tin tín dụng

a. Mục đích

Thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng từ các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm hỗ trợ công tác quản lý, giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam; hỗ trợ các TCTD ngăn ngừa, hạn chế rủi

ro trong kinh doanh; giúp khách hàng vay tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

b. Phạm vi

Theo quy định tại Điều 10 Thông tư 03/2013/TT-NHNN ngày 28/01/2013 (Thông tư 03), bao gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước;
- Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Các tổ chức tự nguyện;
- Khách hàng vay.

c. Nội dung

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho CIC toàn bộ Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng theo quy định và được phân thành các nhóm chỉ tiêu sau:

- a) Thông tin nhận dạng;
- b) Thông tin hợp đồng tín dụng;
- c) Thông tin quan hệ tín dụng;
- d) Thông tin tình trạng tài khoản thẻ tín dụng;
- e) Thông tin bảo đảm tiền vay;
- f) Thông tin tài chính năm của khách hàng vay là doanh nghiệp, bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Bộ Tài chính;
- g) Thông tin đầu tư trái phiếu vào khách hàng vay là doanh nghiệp”.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư 03/2013/TT-NHNN và Thông tư 27/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2013/TT-NHNN về hoạt động Thông tin tín dụng của NHNN.

Các đơn vị cung cấp TTTD dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử theo nhóm chỉ tiêu thông tin tín dụng và hướng dẫn của CIC. Trên cơ sở thông tin thu nhận, CIC sử dụng các giải pháp công nghệ, nghiệp vụ để xử lý dữ liệu thông tin tín dụng.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Thực hiện theo khoản 1, 2 điều 7 và điều 8 của Thông tư 03/2013/TT-NHNN và Thông tư 27/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2013/TT-NHNN về hoạt động thông tin tín dụng của NHNN:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho CIC toàn bộ Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư 03;

- Tổ chức tự nguyện thực hiện cung cấp cho CIC toàn bộ hoặc một phần Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư 03 trên cơ sở thỏa thuận với CIC, đảm bảo nguyên tắc an toàn, bảo mật và các quy định khác của pháp luật.

f. Dữ liệu mở

- Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

- Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

CIC cung cấp dưới dạng sản phẩm thông tin tín dụng cho các cơ quan nhà nước khi có yêu cầu để phục vụ trực tiếp cho hoạt động về thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; điều tra, thống kê xã hội và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

3. CSDL Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

a. Mục đích

CSDL Phòng, chống rửa tiền phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b. Phạm vi

Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quản lý, sử dụng và khai thác CSDL phòng, chống rửa tiền.

c. Nội dung

Các thông tin chính của CSDL phòng, chống rửa tiền:

- Thông tin về khách hàng: họ tên, CCCD/CMND/Số hộ chiếu/ Mã số thuế/ Quyết định thành lập, địa chỉ, quốc gia;

- Thông tin về giao dịch: số tài khoản, số tiền giao dịch, loại tiền giao dịch, mã giao dịch, nội dung giao dịch, ...

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Báo cáo bằng file điện tử được các đối tượng báo cáo gửi hàng ngày thông qua phần mềm do Cơ quan TTGSNH cung cấp, sử dụng đường truyền kết nối của Cục CNTT hoặc gửi bằng văn bản.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

CSDL phòng, chống rửa tiền thu thập các thông tin từ các đối tượng báo cáo (Ngân hàng, Bảo hiểm, Casino, Quỹ tín dụng nhân dân, Xổ số kiến thiết, ...) theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền:

- Báo cáo giao dịch có giá trị lớn (Điều 21);
- Báo cáo giao dịch đáng ngờ (Điều 22);
- Báo cáo chuyển tiền điện tử (Điều 23).

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

4. CSDL Thông tin giao dịch trên thị trường nội tệ liên ngân hàng

a. Mục đích

Thu thập dữ liệu giao dịch nội tệ trên thị trường liên ngân hàng (chỉ các giao dịch qua hệ thống của Reuters), là số liệu báo cáo nhanh phục vụ cho mục đích điều hành hàng ngày của NHNN.

b. Phạm vi

- Sở Giao dịch, các Vụ, Cục của NHNN được phép khai thác;
- Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tham gia vào hệ thống thu thập

c. Nội dung

- Ngày giao dịch;
- TCTD cho vay/gửi tiền;

- TCTD đi vay/nhận tiền gửi;
- Doanh số giao dịch;
- Thời hạn;
- Loại tiền;
- Lãi xuất.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Thu thập qua hệ thống giao dịch của Reuters.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Các giao dịch trên thị trường nội tệ.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

5. CSDL Thông tin giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng

a. Mục đích

Thu thập dữ liệu giao dịch ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng (chỉ các giao dịch qua hệ thống của Reuters), là số liệu báo cáo nhanh phục vụ cho mục đích điều hành hàng ngày của NHNN.

b. Phạm vi

Sở Giao dịch, các Vụ, Cục của NHNN được phép khai thác

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tham gia vào hệ thống thu thập

c. Nội dung

- Khối lượng giao dịch;
- Cặp đồng tiền;
- Tỷ giá giao dịch;
- Kỳ hạn giao dịch;
- Đối tác giao dịch;

- Mua ròng;
- Bán ròng.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Thu thập các giao dịch được thực hiện qua hệ thống Reuters.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Các giao dịch ngoại tệ giữa các TCTD, Chi nhánh NHNNg và giữa NHNN với các TCTD, chi nhánh NHNNg.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

6. CSDL Phát hành và kho quỹ

a. Mục đích

- Khai thác, quản lý thông tin, báo cáo thuộc lĩnh vực phát hành và kho quỹ;
- Quản lý danh mục tiền, tài sản, seri tiền mới in và tiền mới phát hành;
- Điều hòa tiền mặt, giấy tờ có giá và tài sản quý của NHNN;
- Thu hồi, thay thế, đình chỉ lưu hành các loại tiền;
- Thực hiện nghiệp vụ quản lý kho quỹ, xây dựng định mức tồn quỹ NVPH.

b. Phạm vi

Đơn vị sử dụng, khai thác CSDL: Sở giao dịch, NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố trên toàn quốc; Cục Phát hành và Kho quỹ.

c. Nội dung

- Danh mục tiền/tài sản;
- Số dư tồn kho thực tế, tồn kho khả dụng, nhập xuất tồn seri, hàng đang đi đường;

- Báo cáo thống kê các loại tiền thuộc quỹ dự trữ phát hành, báo cáo kiểm kê quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền trung ương;
- Sổ thu chi tiền mặt tại Sở giao dịch, NHNN chi nhánh;
- Điện báo nghiệp vụ phát hành và kho quỹ;
- Số lượng tiền thuộc quỹ dự trữ phát hành và nghiệp vụ phát hành hàng ngày tại các Kho tiền TW, Sở giao dịch, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;
- Sổ kế toán tổng hợp, chi tiết tại các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;
- Sổ kế toán tổng hợp tiền mẫu/tiền lưu niệm;
- Cân đối thu chi tiền mặt;
- Tiền mặt nộp vào và rút ra tại NHTM đặc biệt;
- Báo cáo tổng hợp các loại tiền thuộc quỹ DTPH, quỹ NVPH toàn quốc;
- Báo cáo tổng hợp các loại tiền thuộc quỹ DTPH, quỹ NVPH chi tiết theo loại mệnh giá;
- Báo cáo tổng hợp cơ cấu các loại tiền;
- Tiền điều chuyển từ Kho tiền trung ương về các chi nhánh và ngược lại;
- Thống kê xuất nhập tồn các quỹ tiền mặt;
- Báo cáo thu chi tiền thuộc quỹ NVPH, DTPH trong kỳ;
- Số lượng tiền mới nhập xuất tại quỹ NVPH, DTPH;
- Báo cáo kiểm kê tiền mới nguyên niêm phong;
- Báo cáo kiểm kê tiền mới chưa qua lưu thông tồn kho;
- Tiền mới in, đúc đưa ra lưu thông từ quỹ NVPH;
- Định mức tồn quỹ NVPH;
- Dự báo thu chi của Sở giao dịch, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Căn cứ chứng từ thu, chi tiền mặt, phiếu thu/phiếu chi, biên bản giao nhận... để nhập dữ liệu trên hệ thống thông tin quản lý CMO.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Chứng từ thu, chi tiền mặt (bảng kê thu, bảng kê chi, phiếu thu/chi,...), biên bản giao nhận.
- Báo cáo các kho tiền trung ương, Sở giao dịch, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

7. CSDL Quản lý tiền giả***a. Mục đích***

- Số hóa dữ liệu và sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý thống nhất CSDL tiền giả tiền Việt Nam;
- Rút ngắn thời gian tiếp nhận và xử lý thông tin ban đầu và thông tin cảnh báo tiền giả trong hệ thống;
- Nâng cao hiệu quả quản lý thông tin tiền giả và công tác phòng chống tiền giả của NHNN và toàn ngành ngân hàng.

b. Phạm vi

Cục Phát hành và Kho quỹ, 63 NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch NHNN và Chi Cục Phát hành và Kho quỹ.

c. Nội dung

Các ảnh chụp kèm đặc tả về các đặc điểm của tiền giả; Biên bản giám định tiền giả (kèm bản ảnh minh họa); Thông báo về tiền giả loại mới; Thông tin về thời gian phát hiện lần đầu, địa bàn phát hiện, mệnh giá, loại tiền, ngày nhập dữ liệu, người giám định, ngày ra thông báo tiền giả, số thông báo tiền giả.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Sử dụng các thiết bị chuyên dụng để chụp ảnh các đặc điểm tiền giả; so sánh các đặc điểm nêu trên với đặc điểm của tiền thật cùng loại nhằm chỉ ra sự khác biệt.
- Cập nhật thông tin, dữ liệu tiền giả lên hệ thống thông tin.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Báo cáo tiền giả loại mới của NHNN Chi nhánh, Sở Giao dịch NHNN;
- Biên bản giám định tiền giả;
- Thông báo tiền giả loại mới.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

8. CSDL Lưu ký chứng khoán (Giấy tờ có giá) của TCTD tại NHNN***a. Mục đích***

Phục vụ nhu cầu quản lý, tra cứu số dư/phát sinh (trong ngày, thời điểm) của tài khoản lưu ký/cầm cố/ phong tỏa GTCG của thành viên lưu ký GTCG tại NHNN; cung cấp thông tin về GTCG phục vụ cho các nghiệp vụ thị trường tiền tệ, thanh toán.

b. Phạm vi

Sở Giao dịch, Thành viên lưu ký GTCG tại NHNN.

c. Nội dung

- Tên GTCG;
- Mã GTCG;
- Giá trị đầu kỳ;
- Số lượng GTCG nhập;
- Số lượng GTCG xuất;
- Ngày phát sinh;
- Giá trị còn lại;
- Mục đích sử dụng;
- Ngày phát hành;
- Ngày đến hạn;
- Lãi suất phát hành.
- Hình thức/kỳ lãi trả.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Thu thập từ nghiệp vụ lưu ký Tín phiếu NHNN và nghiệp vụ lưu ký Trái phiếu chính phủ được thực hiện ở hệ thống đấu thầu của NHNN (AOM) và hệ thống lưu ký chứng khoán (CSD). Dữ liệu trên CSD được đồng bộ lên AOM.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Dữ liệu lưu ký GTCG được thu thập tại hệ thống CSD, đồng bộ tại hệ thống AOM.

f. Các dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

9. CSDL Kế toán, tài chính của NHNN

a. Mục đích

- Cơ sở để lập Báo cáo tài chính của NHNN;
- Quản lý và lập kế hoạch Ngân sách tài chính, kế hoạch mua sắm tài sản, kế hoạch đầu tư xây dựng;
- Quản lý, kiểm soát thông tin về tài sản cố định, công cụ lao động và vật liệu của NHNN.
- Quản lý, hạch toán các khoản phải thu, phải trả của các đơn vị NHNN.

b. Phạm vi

Vụ Tài chính – Kế toán, Các đơn vị kế toán của NHNN.

c. Nội dung

- Tài khoản tổng hợp: Là tài khoản kế toán phản ánh tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản, tình hình và kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của NHNN, tài khoản này được mở và sử dụng tại phân hệ GL của phần mềm ERP để thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế, tài chính của NHNN;
- Tài khoản chi tiết: Là tài khoản kế toán dùng để theo dõi, phản ánh thông tin chi tiết theo yêu cầu quản lý, tài khoản này được mở và sử dụng tại phân hệ GL của phần mềm ERP;

- Kế hoạch tài chính;
- Kế hoạch khoán;
- Kế hoạch mua sắm tài sản;
- Kế hoạch Đầu tư xây dựng;
- Quản lý tài sản cố định;
- Quản lý công cụ lao động;
- Quản lý vật liệu;
- Quản lý phải thu;
- Quản lý phải trả.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Kế toán viên/cán bộ được phân cấp căn cứ hồ sơ, chứng từ kế toán để nhập dữ liệu, cập nhật/điều chỉnh dữ liệu;
- Cập nhật tự động trong hệ thống số liệu từ tài khoản chi tiết lên tài khoản tổng hợp, từ các đơn vị NHNN lên Vụ TCKT.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Hồ sơ, chứng từ kế toán, tài chính;
- Hồ sơ mua sắm, điều chuyển, thanh lý, nhượng bán tài sản, công cụ lao động;
- Nguồn dữ liệu từ các phân hệ nghiệp vụ khác.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

10. CSDL phục vụ nghiệp vụ thị trường tiền tệ

a. Mục đích

Phục vụ cho tổ chức phiên đấu thầu và các nghiệp vụ thị trường tiền tệ khác.

b. Phạm vi

Sở Giao dịch, các Vụ, Cục của NHNN và các thành viên thị trường.

c. Nội dung

- Phiên đấu thầu;
- Ngày đấu thầu;
- Phương thức đấu thầu;
- Phương thức xét thầu;
- Phương thức mua, bán;
- Khối lượng chào thầu;
- Loại giấy tờ có giá (GTCG) giao dịch;
- Tỷ lệ giao dịch của các loại GTCG;
- Kỳ hạn của GTCG;
- Ngày phát hành của GTCG (trường hợp NHNN bán);
- Ngày đến hạn thanh toán của GTCG (trường hợp NHNN bán);
- Thời hạn còn lại của GTCG (trường hợp NHNN bán);
- Thời hạn mua, bán (số ngày);
- Lãi suất NHNN áp dụng khi mua hoặc bán (trường hợp đấu thầu khối lượng);
- Lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp của GTCG (trường hợp NHNN bán);
- Thời gian nhận đơn dự thầu của thành viên;
- Thời gian đóng thầu;
- Các thông tin liên quan khác.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Dựa trên thông báo đấu thầu mật, đơn dự thầu, kết quả xét thầu và các quyết định mật về nghiệp vụ thị trường tiền tệ khác được xử lý trên hệ thống thông tin.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Từ thông báo đấu thầu mật, đơn dự thầu, kết quả xét thầu và các quyết định mật về nghiệp vụ thị trường tiền tệ khác.

f. Dữ liệu mở

Các thông tin liên quan đến kết quả đấu thầu chung như khối lượng trúng thầu, lãi suất trúng thầu được công bố trên website của NHNN.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

11. CSDL Thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH)***a. Mục đích***

Hệ thống TTĐTLNH là hệ thống thanh toán quốc gia, thực hiện thanh toán và quyết toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài là thành viên của hệ thống; quyết toán tiền giao dịch trái phiếu chính phủ; cung cấp phương tiện thanh toán nhanh, hiệu quả và tập trung hóa, sử dụng hiệu quả vốn của các TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. CSDL của hệ thống TTLNH được hình thành trong quá trình hoạt động của Hệ thống.

b. Phạm vi

Cục CNTT, Vụ Thanh toán và các thành viên của hệ thống TTĐTLNH

c. Nội dung

Dữ liệu giao dịch của các đơn vị thành viên gồm một số nội dung như sau: Loại giao dịch, Ngày giao dịch, Ngân hàng gửi, Ngân hàng nhận, Thông tin người gửi, Thông tin người nhận, Số tiền, Nội dung gửi tiền, Thông tin thu ngân sách nhà nước (nếu là lệnh thanh toán liên quan đến thu ngân sách nhà nước)...

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Thông qua ứng dụng TTĐTLNH ở thành viên (CITAD), các đơn vị thành viên tạo giao dịch và gửi lên hệ thống TTĐTLNH; dữ liệu giao dịch được lưu trong CSDL để phục vụ hệ thống vận hành, tra soát, đối chiếu, thống kê, tính phí thanh toán.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Từ các lệnh thanh toán do các thành viên gửi lên hệ thống.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

12. CSDL Quản lý nhân sự

a. Mục đích

Hệ thống quản trị nhân sự của NHNN Việt Nam ra đời nhằm mục đích tin học hóa các quy định nghiệp vụ, các hình thức tiếp nhận, trao đổi, xử lý, tìm kiếm, lưu trữ thông tin, giải quyết công việc thuộc lĩnh vực quản trị nhân sự của các đơn vị thuộc NHNN.

b. Phạm vi

Hệ thống Quản trị nhân sự của NHNN Việt Nam áp dụng đối với công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc NHNN Việt Nam, không áp dụng đối với Học viện Ngân hàng và Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh.

c. Nội dung

- Quản lý cơ cấu tổ chức, công việc và vị trí công việc;
- Quản lý thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;
- Quản lý công cụ phục vụ cá nhân (ESS) và phục vụ quản lý (MSS).

d. Cơ chế thu thập, cập nhật Cơ sở dữ liệu

- Đơn vị/cá nhân được phân cấp thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung dữ liệu thì phải thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung dữ liệu kịp thời vào hệ thống SAP khi có thay đổi và thông báo cho người đứng đầu bộ phận nhân sự xem xét, kiểm tra;

- Hệ thống tự cập nhật thông qua các quy trình nghiệp vụ trên hệ thống.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ, căn cứ các Quyết định của NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Việt Nam;

- Căn cứ danh mục công việc và vị trí công việc trong Đề án vị trí việc làm được Thống đốc phê duyệt;

- Căn cứ vào hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

- Căn cứ Quyết định nhân sự của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

13. CSDL Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a. Mục đích

Cung cấp thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cho các đối tượng được phép truy cập với mục tiêu tham khảo, ứng dụng trong hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và đào tạo của ngành ngân hàng.

b. Phạm vi

Các cá nhân/đơn vị sử dụng, khai thác CSDL về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở của NHNN trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngân hàng (Cổng thông tin) bao gồm các đơn vị thuộc NHNN, đơn vị khai thác dữ liệu (các đơn vị ký kết hợp đồng dịch vụ khai thác Cổng thông tin), các chuyên gia, nhà khoa học ngành ngân hàng.

c. Nội dung

- Thông tin về nhiệm vụ KH&CN: Tên; Mã số; Chủ nhiệm và thành viên thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Báo cáo tổng hợp/ Báo cáo kiến nghị/ Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Cách thức dữ liệu được thu thập: Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN giao nộp hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ (đĩa CD).

- Cập nhật vào CSDL:

+ Cập nhật vào CSDL của Cổng thông tin: khoahocnganhang.org.vn;

+ Cập nhật vào CSDL quốc gia về KH&CN (do Cục Thông tin và khoa học quốc gia quản lý) theo quy định tại Thông tư 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 (Không cập nhật đối với các nhiệm vụ hạn chế công bố thông tin).

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Theo quy định tại Điều 28 khoản 2 Thông tư 37/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của NHNN, dữ liệu thu thập từ các cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp;
- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu bằng tiếng Việt;
- 02 trang tóm tắt kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh;
- Báo cáo kiến nghị (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức).

f. Dữ liệu mở

Các thông tin thống kê liên quan đến CSDL về nhiệm vụ KH&CN được công bố công khai, rộng rãi trên Cổng Thông tin và website NHNN gồm:

- Giới thiệu tóm tắt về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- Danh mục các nhiệm vụ KH&CN của NHNN hoàn thành nghiên cứu theo từng giai đoạn (tên, mã số, chủ nhiệm).

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Cập nhật thông tin Kết quả nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước vào CSDL quốc gia về KH&CN (do Cục Thông tin và khoa học quốc gia quản lý) theo quy định tại Thông tư 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017. (Tại địa chỉ <http://sti.vista.gov.vn>. Không cập nhật đối với các nhiệm vụ hạn chế công bố thông tin).

Các thông tin cập nhật vào CSDL:

- Mã số nhiệm vụ;
- Cấp quản lý;
- Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ;
- Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ;
- Lĩnh vực nghiên cứu;
- Mục tiêu nghiên cứu;
- Mục tiêu kinh tế xã hội của nhiệm vụ;

- Phương pháp nghiên cứu;
- Thời gian bắt đầu/ Thời gian kết thúc;
- Kinh phí được phê duyệt;
- File đính kèm: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt (file PDF).

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện nay việc khai thác CSDL trên Cổng thông tin đối với các đơn vị bên ngoài NHNN được thực hiện thông qua ký kết hợp đồng khai thác có thời hạn. Các đơn vị đang khai thác hiện nay bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Viện nghiên cứu khoa học ngân hàng (Học viện Ngân hàng).

Dữ liệu chia sẻ: Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở của NHNN.

14. CSDL Thông tin quản lý kiểm toán nội bộ

a. Mục đích

Tạo lập, quản lý, khai thác, lưu trữ thông tin, dữ liệu về các hoạt động kiểm toán nội bộ của NHNN.

b. Phạm vi

Sử dụng, khai thác CSDL là các đơn vị thuộc hệ thống NHNN, bao gồm các đơn vị tại Trụ sở chính, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các đơn vị sự nghiệp của NHNN. Tuy nhiên, phạm vi sử dụng, khai thác chủ yếu là Vụ Kiểm toán nội bộ.

c. Nội dung

- Thông tin, báo cáo về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán các dự án đầu tư; kiểm toán tuân thủ và hoạt động các đơn vị thuộc NHNN; kiểm toán công nghệ thông tin; kiểm toán dự trữ ngoại hối nhà nước; kiểm toán nghiệp vụ phát hành tiền; kiểm toán hoạt động an toàn kho quỹ;
- Kết quả về thực hiện kiến nghị kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán;

- Dữ liệu, thông tin khác liên quan đến hoạt động kiểm toán: Mẫu dự án kiểm toán, kế hoạch kiểm toán, báo cáo hoạt động, báo cáo kết quả kiểm soát các đơn vị thuộc NHNN; thông tin người dùng thuộc Vụ Kiểm toán nội bộ và các đơn vị được kiểm toán.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Kiểm soát viên ngân hàng, người làm công tác kiểm toán nội bộ tạo ra dữ liệu, thông tin trong quá trình thực hiện kiểm toán;

- Khai thác, thu thập dữ liệu từ các hệ thống thông tin nghiệp vụ của NHNN trong quá trình thực hiện kiểm toán;

- Các đơn vị được kiểm toán tạo, bổ sung, cập nhật dữ liệu thông qua sử dụng một số cấu phần của phần mềm.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Chủ yếu từ quá trình thu thập các bằng chứng kiểm toán; từ ghi chép kết quả kiểm toán; tạo lập các tồn tại, kiến nghị; xây dựng, hoàn thiện báo cáo kiểm toán của các thành viên trong Đoàn kiểm toán;

- Dữ liệu từ các hệ thống thông tin nghiệp vụ của NHNN: quản lý văn bản, phần mềm kế toán, nghiệp vụ lõi ERP, T24,..., được khai thác, cập nhật vào CSDL để làm bằng chứng, thông tin kiểm toán, phục vụ cho xây dựng, hoàn thiện báo cáo kiểm toán;

- Từ một số nguồn khác.

f. Dữ liệu mở

- Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng:

Hiện tại không chia sẻ.

15. CSDL Mã Ngân hàng

a. Mục đích

Cấp mã số, lưu trữ thông tin cơ bản của các Tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, Quỹ tín dụng Nhân dân và các tổ chức khác có hoạt động báo cáo, sử dụng hệ thống CNTT nghiệp vụ, trao đổi dữ liệu điện tử liên quan đến Ngân hàng Nhà nước.

b. Phạm vi của CSDL

Các đối tượng được cấp mã ngân hàng bao gồm:

- Đơn vị Ngân hàng Nhà nước;
- Tổ chức tín dụng và các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước các cấp;
- Các tổ chức khác có hoạt động báo cáo, trao đổi dữ liệu điện tử liên quan đến Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước sử dụng mã ngân hàng được quy định tại Thông tư này trong các hoạt động nghiệp vụ nội bộ hoặc nghiệp vụ liên ngân hàng.

c. Nội dung

Thông tin ngân hàng của đối tượng được cấp mã ngân hàng bao gồm:

- Tên giao dịch gồm tên đầy đủ bằng tiếng Việt (được quy định tại văn bản của cấp có thẩm quyền), tên tiếng Anh, tên viết tắt;
- Địa chỉ của đối tượng được cấp mã ngân hàng;
- Số điện thoại, số fax liên hệ, địa chỉ thư điện tử (email);
- Loại hình tổ chức tín dụng (đối với tổ chức tín dụng);
- Loại đơn vị (trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc).

Thông tin ngân hàng tồn tại gắn liền với mã ngân hàng của đối tượng được cấp mã và mất đi khi mã ngân hàng đó bị hủy bỏ.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước các cấp, các tổ chức liên quan có hoạt động báo cáo, trao đổi dữ liệu điện tử liên quan đến Ngân hàng Nhà nước,... gửi bộ hồ sơ đề nghị cấp mã ngân hàng đến Cục Công nghệ thông tin (qua hệ thống DVC NHNN, thư điện tử, bưu điện, trực tiếp,...). Các thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp mã được nhập trên hệ thống DVC NHNN là cơ sở để thực hiện việc cấp mã cho đơn vị đề nghị và tạo thành cơ sở dữ liệu về Mã Ngân hàng dự dụng chung cho các hệ thống CNTT NHNN. Các thông tin về đơn vị được cấp mã có thể thay đổi hoặc hủy căn cứ đề nghị của các đơn vị này.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Từ thông tin các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước các cấp, các tổ chức liên quan có hoạt động báo cáo, trao đổi dữ liệu điện tử liên quan đến Ngân hàng Nhà nước,... gửi NHNN.

f. Dữ liệu mở

Thông tin về đối tượng được cấp mã ngân hàng bao gồm:

- Tỉnh thành;
- Hệ thống ngân hàng;
- Cấp độ (Hội sở, chi nhánh, phòng giao dịch);
- Tên đơn vị;
- Đơn vị chủ quản;
- Số giấy phép thành lập;
- Ngày giấy phép thành lập;
- Ngày hiệu lực;
- Tên giao dịch;
- Địa chỉ, Email, Điện thoại, Fax, Ghi chú.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu (thuộc CSDL) được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

Hiện tại không chia sẻ.

16. CSDL Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành (Edoc)

a. Mục đích

Quản lý công việc, lịch làm việc, phòng họp, chương trình công tác, văn bản đến, đi của NHNN.

b. Phạm vi

Các đơn vị thuộc NHNN.

c. Nội dung

- Thông tin dữ liệu văn bản đi, dữ liệu văn bản đến, dữ liệu văn bản lưu trữ, nội dung văn bản, luồng xử lý văn bản, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo NHNN, Lãnh đạo đơn vị;

- Các chương trình công tác của NHNN, đơn vị, lịch làm việc,...

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Số hóa từ văn bản giấy;
- Cán bộ sử dụng nhập trực tiếp vào Chương trình;
- Gửi, nhận từ Trục liên thông văn bản Quốc gia.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- Dữ liệu đầu vào được số hóa từ văn bản giấy và nhập các thông tin cơ bản vào Hệ thống Edoc;
- Dữ liệu điện tử gửi từ các cơ quan hành chính thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Dữ liệu được chia sẻ trên cổng thông tin điện tử của VPCP là dữ liệu về tổng số văn bản đến và đi của NHNN từ khi triển khai Hệ thống QLVB của NHNN.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

17. CSDL Sổ sức khỏe điện tử

a. Mục đích

Lưu trữ hồ sơ sức khỏe của cán bộ, công chức, người lao động của các đơn vị thuộc trụ sở NHTW, góp phần nâng cao khả năng quản lý, theo dõi và chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức viên chức và người lao động của NHTW

b. Phạm vi

Các đơn vị thuộc Cơ quan NHTW.

c. Nội dung

- Thông tin đợt khám, nơi khám, thời gian khám, nội dung khám;
- Thông tin chẩn đoán, kết luận, sinh hiệu (mạch, nhiệt độ, huyết áp...);
- Thông tin kết quả cận lâm sàng: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng;
- Thông tin hướng điều trị, đơn thuốc.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Có thể nhập trực tiếp, import từ file xml, excel (Khi khám ở cơ sở bên ngoài), kết nối lấy dữ liệu trực tiếp (khi khám tại bộ phận y tế - NHTW)

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Kết quả khám chữa bệnh được lấy từ các nguồn: Kết quả khám sức khỏe định kỳ, kết quả khám chữa tại chỗ tại Bộ phận y tế- NHTW, kết quả khám từ cơ sở khám chữa bệnh bên ngoài mà cán bộ, công chức, viên chức khám.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng.

Hiện tại không chia sẻ.

18. CSDL Thanh toán quốc tế SWIFT***a. Mục đích***

Quản lý, thực hiện, lưu trữ các giao dịch đi qua hệ thống Swift.

b. Phạm vi

Sở Giao dịch NHNN.

c. Nội dung

Thông tin các điện thanh toán quốc tế đi và đến giữa SGD và các đối tác.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

- Hệ thống đọc file điện từ hệ thống Core hoặc nhận dữ liệu điện từ đối tác truyền về qua hệ thống Swift;

- Nhập trực tiếp trên ứng dụng Swift.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

- File điện từ hệ thống core;

- Nhận về từ hệ thống Swift.

f. Dữ liệu mở

Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Liệt kê các dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Liệt kê các dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng

STT	Dữ liệu chia sẻ	Đơn vị được khai thác, sử dụng
1	- Các lỗi khi cài đặt, nâng cấp cho hệ thống Swift, Phòng TTQT phối hợp với Cục CNTT và C.ty Blitz kiểm tra và lấy nhật ký lỗi đó. - Cập nhật danh sách và trao đổi các thông tin RMA (ứng dụng quản lý dữ liệu người dùng kiểm soát việc đăng ký các loại tin điện được phép gửi/nhận qua ứng dụng SWIFT với đối tác có quan hệ giao dịch với NHNN.)	- Tổ chức SWIFT kiểm tra, báo lại SGD – NHNN. - Các đối tác trao đổi RMA qua hệ thống SWIFT với Ngân hàng nhà nước.

19. CSDL Vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh

a. Mục đích

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Nắm bắt được thông tin chi tiết về từng khoản vay và thông tin tổng hợp về vay, trả nợ nước ngoài của toàn hệ thống một cách nhanh chóng, chính xác;
- Giảm tải cho việc nhập số liệu tại Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố;
- Giám sát tình hình thực hiện hạn mức vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả thông qua số liệu thực hiện khoản vay nước ngoài tự vay, tự trả trung, dài hạn của doanh nghiệp;
- Giám sát các dòng vốn nóng (rút vốn, trả nợ các khoản vay nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp);
- Dự báo kế hoạch rút vốn, trả nợ trong kỳ kế hoạch phục vụ việc dự báo mức vay ròng của doanh nghiệp, dự báo về dòng tiền liên quan đến hoạt động vay, trả nợ nước ngoài tác động đến cung, cầu ngoại tệ trên thị trường ngoại hối.

Đối với doanh nghiệp (DN):

- DN sử dụng Trang điện tử trong quá trình đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài giúp rút ngắn được thời gian xử lý hồ sơ;

- DN có thể chủ động trong việc truy cập, sử dụng Chương trình, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp và tình hình hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp trên Chương trình (đăng ký khoản vay, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, báo cáo định kỳ, chỉnh sửa các thông tin liên hệ,...) giúp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật;

- Giúp DN giảm thiểu thời gian, chi phí khi thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ với NHNN so với hình thức báo cáo giấy truyền thống.

b. Phạm vi

Các đơn vị trong và ngoài NHNN gồm:

- Các cá nhân, đơn vị thuộc NHNN có trách nhiệm quản lý và khai thác thông tin trên Trang điện tử;

- Dn, hợp tác xã, liên minh hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam là bên đi vay của khoản vay nước ngoài theo quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh.

c. Nội dung

- Thông tin của DN đăng ký tài khoản sử dụng trên Trang điện tử;

- Thông tin cá nhân, đơn vị thuộc NHNN có trách nhiệm quản lý và khai thác thông tin trên Trang điện tử;

- Thông tin của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ tài khoản liên quan đến hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài tại Việt Nam;

- Một số thông tin của khoản vay nước ngoài của DN thuộc đối tượng phải đăng ký hoặc/và thực hiện chế độ báo cáo khoản vay nước ngoài với NHNN;

- Báo cáo về tình hình vay, trả nợ nước ngoài của DN theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016 của NHNN hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (Thông tư 03).

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Quy định cụ thể tại Chương II, Chương IV, Điều 13 và Điều 16 của Thông tư 03.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Quy định cụ thể tại Chương II, Chương IV, Điều 13 và Điều 16 của Thông tư 03.

f. Dữ liệu mở

- Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng:

Hiện tại không chia sẻ.

20. CSDL Bảng số liệu Cổng thông tin điện tử của NHNN

a. Mục đích

Lưu trữ số liệu về tỷ giá, lãi suất, một số số liệu thống kê theo Thông tư số 35/2015/TT-NHNN, thông tin về diễn biến trên thị trường tiền tệ để công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

b. Phạm vi

Các TCTD, doanh nghiệp, người dân, chuyên gia kinh tế.

c. Nội dung

- Tỷ giá: Tỷ giá trung tâm, Tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch NHNN, Tỷ giá chéo giữa VND một số ngoại tệ.

- Lãi suất: Bảng lãi suất (lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn), Lãi suất thị trường liên ngân hàng.

- Một số số liệu thống kê theo Thông tư số 35/2015/TT-NHNN:

- + Cán cân thanh toán quốc tế
- + Tỷ trọng tiền mặt lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán
- + Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng
- + Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng theo quý
- + Số liệu giao dịch của hệ thống thanh toán quốc gia
- + Tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân
- + Dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế
- + Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản của TCTD

- + Tổng phương tiện thanh toán và tiền gửi của khách hàng tại TCTD
- + Số lượng thẻ ngân hàng
- + Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động
- + Giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC
- + Giao dịch thanh toán nội địa theo các PTTT
- + Các tổ chức CUDVTT không phải là TCTD
- Thông tin về diễn biến trên thị trường tiền tệ: thông tin đấu thầu, kết quả đấu thầu Thị trường mở, Đấu thầu Tín phiếu kho bạc nhà nước

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Các đơn vị nghiệp vụ cập nhật trên hệ thống quản trị ứng dụng của Công TTĐT NHNN theo quy trình:

- Chuyên viên cập nhật thông tin lên hệ thống
- Lãnh đạo đơn vị hoặc người được Ủy quyền phê duyệt thông tin gửi lên Ban Biên tập Công TTĐT NHNN.
- Người được Ban Biên tập Ủy quyền thực hiện đăng tải nội dung lên Công TTĐT.

Thông tin được cập nhật, đăng tải theo định kỳ (ngày/ tuần/ tháng/Quý,...) căn cứ quy định của NHNN với từng loại số liệu khác nhau.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Từ các đơn vị cập nhật lên hệ thống Công TTĐT NHNN quy định của NHNN.

f. Dữ liệu mở

Toàn bộ dữ liệu trên đều khai rộng rãi trên Công TTĐT NHNN.

g. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng:

STT	Dữ liệu chia sẻ	Đơn vị được khai thác, sử dụng
1	Tỷ giá	Bloomberg và một số tổ chức liên quan đến hoạt động tiền tệ, Ngân hàng trong nước và Quốc tế

21. CSDL Điều tra thống kê trực tuyến NHNN

a. Mục đích

Cung cấp số liệu do các TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là TCTD) cung cấp theo các mẫu phiếu yêu cầu của các cuộc điều tra xu hướng kinh doanh, điều tra kỳ vọng lạm phát, điều tra xu hướng tín dụng.

b. Phạm vi

Vụ Dự báo, thống kê.

c. Nội dung

Các số liệu do TCTD cung cấp theo các mẫu phiếu yêu cầu của các cuộc điều tra xu hướng kinh doanh, điều tra kỳ vọng lạm phát, điều tra xu hướng tín dụng theo các kỳ (Tháng/Quý/6 tháng) quy định tương ứng.

d. Cơ chế thu thập, cập nhật

Khi đến kỳ điều tra của các cuộc điều tra. Các chuyên viên được giao phụ trách của TCTD vào cập nhật các số liệu tương ứng với kỳ điều tra đó, gửi Lãnh đạo TCTD phê duyệt gửi NHNN. Nếu NHNN phê duyệt thì số liệu được cập nhật vào CSDL. Trong trường hợp NHNN từ chối thì TCTD cập nhật lại theo hướng dẫn và gửi lại NHNN.

e. Nguồn dữ liệu được thu thập

Từ các TCTD.

f. Dữ liệu mở

- Hiện tại không có dữ liệu mở.

g. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định

Hiện tại không chia sẻ.

h. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù tương ứng với từng đối tượng khai thác, sử dụng:

Hiện tại không chia sẻ./.